

Bản án số:31/2022/HS-ST
Ngày: 15/3/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Y

2/ Ông Nguyễn Hoàng Thái

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Hà - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2022/HSST ngày 28/01/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST- HS ngày 25 tháng 02 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh năm 2001 tại tỉnh Tiền Giang

Tên gọi khác: không

Nơi cư trú: Ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

Nghề nghiệp: công nhân

Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị Hồng T; Bị cáo có 01 người anh sinh năm 1998, bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: không

Tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 31/12/2021 hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Châu Thành.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- *Bị hại:* Nguyễn Văn K, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Lê Thị Hồng T, sinh năm 1980 (có mặt)

2/ Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

- Người làm chứng:

1/ Nguyễn Thị T1, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

2/ Phạm Văn P, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B B, xã DH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 23/7/2021, Nguyễn Văn L có đến nhà mẹ ruột tại ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang để ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong, L thấy xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-053.49 của anh Nguyễn Văn K (K là anh ruột của L) dựng ở nhà sau, xe có gắn chìa khóa trên xe nên L đã lấy trộm rồi mang đi cầm cho dịch vụ cầm đồ “P” tại ấp B B, xã DH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang do anh Phạm Văn P làm chủ được số tiền 5.000.000đồng, nhằm mục đích tiêu xài xa nhân. Khoảng 10 giờ cùng ngày, anh K phát hiện mất xe nên trình báo sự việc với cơ quan công an.

Vật chứng và đồ vật thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô 02 bánh hiệu Sirius màu đỏ-đen, biển số kiểm soát 63B-053.49.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy do anh Nguyễn Văn K đứng tên chủ sở hữu.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 282 ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Châu Thành kết luận: 01 xe mô tô 02 bánh hiệu Sirius màu đỏ-đen, biển số kiểm soát 63B--053.49 có trị giá là 8.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSCT ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố, bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại Nguyễn Văn K xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, lời thừa nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng và không thay đổi. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s

khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: không có

Về trách nhiệm dân sự: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ vắng mặt không tham dự phiên tòa. Xét sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đức.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra truy tố xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận khoảng 09 giờ ngày 23/7/2021 bị cáo đã lén lút trộm 01 xe mô tô 02 bánh biển số 63B3-053.49 của anh Nguyễn Văn K tại nhà mẹ ruột ở ấp T, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Xét thừa nhận của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 8.000.000đồng. Vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” qui định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của gia đình mà trộm cắp tài sản của chính người thân trong gia đình và ngay tại nhà mẹ ruột của mình, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi trộm cắp để phục vụ cho nhu cầu tiêu xài của bản thân, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, do vậy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ qui định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự và xem xét để giảm nhẹ phần nào mức hình phạt cho bị cáo khi quyết

định hình phạt. Song xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để đủ cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng để phòng chống tội phạm trong tình hình hiện nay.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô 02 bánh hiệu Sirius màu đỏ-đen, biển số kiểm soát 63B3-053.49 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy do anh Nguyễn Văn K đứng tên chủ sở hữu. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành đã giao trả cho anh K nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Văn K không yêu cầu bị cáo bồi thường. Ghi nhận bà Lê Thị Hồng T là mẹ ruột của bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh Phạm Văn P số tiền 5.000.000đồng, bà Thẩm không yêu cầu bị cáo trả lại, anh Phong không có yêu cầu gì khác.

[8] Anh Phạm Văn P là người nhận cầm xe mô tô 02 biển số 63B3-053.49 nhưng anh Phong không biết xe này do bị cáo phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[9] Xét quan điểm luận tội và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điều 38, 50, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 31/12/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự và điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận bị hại Nguyễn Văn K đã nhận lại tài sản, anh K không có yêu cầu gì khác.

Ghi nhận bà Lê Thị Hồng T đã bồi thường cho anh Phạm Văn P 5.000.000đồng, anh Phong không có yêu cầu gì khác.

Về án phí: Áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công an huyện Châu Thành, tỉnh TG;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh TG;
- THADS huyện Châu Thành, tỉnh TG;
- Sở Tư pháp tỉnh TG;
- Người tham gia TT;
- lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phan Thị Kim Hà